

Số: /BC-DTNT THCS THPT VT

Vĩnh Thạnh, ngày 29 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Năm 2025**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường PTDTNT THCS và THPT Vĩnh Thạnh

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: thôn Định Nhất, xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 02563.996335

Cổng thông tin điện tử: <http://truongptdntvinhthanh.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

Loại hình: Đơn vị sự nghiệp công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

*** Sứ mạng:**

Tạo dựng được môi trường sư phạm nề nếp - kỷ cương; Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

*** Tầm nhìn:**

Là trường phổ thông dân tộc nội trú, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện; nơi mà học sinh người dân tộc thiểu số sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện; nơi cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh biết quan tâm, chia sẻ và khát vọng vươn lên không ngừng.

*** Hệ thống giá trị cơ bản:**

- Chất lượng; Hiệu quả; Tiết kiệm;
- Kỷ cương; Tình thương; Trách nhiệm;

- Đoàn kết; Sáng tạo; Hợp tác;
- Trung thực; Tự trọng; Khát vọng vươn lên.

*** Mục tiêu chung:**

Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; Xây dựng nề nếp học tập của học sinh; Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; Huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Lịch sử hình thành và quá trình xây dựng và phát triển

Ngày 05/9/1984: Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghĩa Bình ban hành Quyết định số 1320/QĐ-UB về việc thành lập Trường Phổ thông cơ sở nội trú dân tộc ít người (gọi tắt là Trường Phổ thông nội trú dân tộc Vĩnh Thạnh).

Ngày 25/11/1984: Trường PTNTDT Vĩnh Thạnh được chính thức khai giảng năm học đầu tiên 1984 - 1985 tại Làng L6, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh; có 52 học sinh chia thành 03 lớp (lớp 2, lớp 3 và lớp 4).

Ngày 26/6/1986: UBND tỉnh Nghĩa Bình ban hành Quyết định số 434/QĐ-UB về việc thành lập Trường PT Cấp II - III Dân tộc Nội trú Vĩnh Thạnh. Lúc bấy giờ, Trường mới (Trường THPT Vĩnh Thạnh hiện nay) đang xây dựng dở dang. Bộ phận cấp III (gồm 04 lớp: 02 lớp 10 và 02 lớp 11 nhô) trực thuộc Trường Trung học Cơ sở Vĩnh Quang (quen gọi là Trường nhô cấp III); bộ phận cấp I, II dân tộc nội trú vẫn còn ở Trường cũ ở Làng L6, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh.

Năm học 1987 - 1988: Trường PT Cấp II - III Dân tộc Nội trú Vĩnh Thạnh chính thức khai giảng năm học đầu tiên tại ngôi trường mới (Trường THPT Vĩnh Thạnh hiện nay) gồm học sinh dân tộc nội trú và học sinh cấp III nhô (6 lớp).

Năm học 1991 - 1992 đến năm học 2018-2019: Trường PT Cấp II - III Dân tộc Nội trú Vĩnh Thạnh đổi lại tên là Trường PTDTNT Vĩnh Thạnh.

Năm học 1992 - 1993: Trường Bồ túc Văn hóa Vĩnh Thạnh giải thể và nhập vào Trường PT Cấp II - III Dân tộc Nội trú Vĩnh Thạnh. Đến khi Trường PTDTNT tỉnh Bình Định thành lập, Trường không còn đào tạo học sinh cấp II nữa, Trường PT cấp II - III DTNT Vĩnh Thạnh lại được đổi tên là Trường PTDTNT Vĩnh Thạnh.

Năm học 2004 - 2005: Trường PTDTNT Vĩnh Thạnh đã phát triển 34 lớp, với 1.486 học sinh, trong đó có 25 lớp THPT với 1.248 học sinh và 09 lớp THCS với 238 học sinh dân tộc nội trú. Để thuận tiện cho công tác giảng dạy và giáo dục học sinh dân tộc nội trú, phù hợp với loại hình trường chuyên biệt, thực hiện Đề án tách khỏi trung học phổ thông ra khỏi Trường PTDTNT Vĩnh Thạnh, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 93/2004/QĐ - UB ngày 01/10/2004 về việc tách khỏi THPT ra khỏi Trường PTDTNT Vĩnh Thạnh, Trường PTDTNT Vĩnh Thạnh được chuyển

đến địa điểm trường mới hiện nay, tiếp quản cơ sở khu nhà làm việc cũ của Huyện ủy và UBND huyện Vĩnh Thạnh thuộc địa bàn thôn Định Nhất, xã Vĩnh Hảo, huyện Vĩnh Thạnh.

Từ năm học 2006 - 2007 đến nay: Trước nhu cầu học tập, mong muốn được học tiếp cấp THPT của con em đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định đồng ý cho Trường PTDTNT Vĩnh Thạnh mở lớp THPT dành cho học sinh người dân tộc thiểu số.

Ngày 15/02/2019: UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 453/QĐ-UBND về việc đổi tên Trường Phổ thông dân tộc nội trú Vĩnh Thạnh thành Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Thạnh (viết tắt là Trường PTDTNT THCS & THPT Vĩnh Thạnh).

Ngày 01/7/2025: UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 53/QĐ-UBND về việc thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia lai: Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Thạnh (viết tắt là Trường PTDTNT THCS và THPT Vĩnh Thạnh).

Hiện nay, Trường PTDTNT THCS và THPT Vĩnh Thạnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các trường PTDTNT trực thuộc Sở GDĐT tỉnh Gia Lai.

- Tình hình học sinh qua các năm:

Năm học	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
THPT	213	190	174	201	188	200	204	228	236	255	271	297	271
THCS	207	212	208	216	221	212	221	221	215	219	217	210	224
Tổng	420	402	382	417	409	412	425	449	451	474	488	507	495

- Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường:

+ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: tổng số có 194 đoàn viên; Ban chấp hành Đoàn trường gồm 07 thành viên, trong đó gồm 01 Bí thư, 01 phó Bí thư, 05 ủy viên.

+ Hội LHTN Việt Nam: tổng số có 258 hội viên; UBH Liên hiệp TN Việt Nam trường gồm 7 thành viên, trong đó gồm 01 Chủ tịch, 01 phó Chủ tịch, 05 ủy viên.

+ Đội TNTP Hồ Chí Minh: tổng số có 224 đội viên; Ban chỉ huy Liên đội có 07 thành viên; Có 01 Tổng phụ trách Đội.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử

Người đại diện pháp luật: Từ Kim Lân

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: thôn Định Nhất, xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Gia Lai

Số điện thoại: 0982.886820; Email: lantk-ntvinhthanh@sgddt.gialai.gov.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục

Ngày 05/9/1984: Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghĩa Bình ban hành Quyết định số 1320/QĐ-UB về việc thành lập Trường Phổ thông cơ sở nội trú dân tộc ít người (gọi tắt là Trường Phổ thông nội trú dân tộc Vĩnh Thạnh).

Ngày 26/6/1986: UBND tỉnh Nghĩa Bình ban hành Quyết định số 434/QĐ-UB về việc thành lập Trường PT Cấp II - III Dân tộc Nội trú Vĩnh Thạnh. Lúc bấy giờ, Trường mới (Trường THPT Vĩnh Thạnh hiện nay) đang xây dựng dở dang. Bộ phận cấp III (gồm 04 lớp: 02 lớp 10 và 02 lớp 11 nhô) trực thuộc Trường Trung học Cơ sở Vĩnh Quang (quen gọi là Trường nhô cấp III); bộ phận cấp I, II dân tộc nội trú vẫn còn ở Trường cũ ở Làng L6, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh.

Năm học 2004 - 2005: UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 93/2004/QĐ - UB ngày 01/10/2004 về việc tách khối THPT ra khỏi Trường PTDTNT Vĩnh Thạnh.

Ngày 15/02/2019: UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 453/QĐ-UBND về việc đổi tên Trường Phổ thông dân tộc nội trú Vĩnh Thạnh thành Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Thạnh (viết tắt là Trường PTDTNT THCS & THPT Vĩnh Thạnh).

Ngày 01/7/2025: UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 53/QĐ-UBND về việc thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai: Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Thạnh (viết tắt là Trường PTDTNT THCS và THPT Vĩnh Thạnh).

Hiện nay, Trường PTDTNT THCS và THPT Vĩnh Thạnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 14/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các trường PTDTNT trực thuộc Sở GDĐT tỉnh Gia Lai.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục

- Hiệu trưởng (Tù Kim Lân): Quyết định số 292/QĐ-SGDĐT ngày 23/7/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Phó Hiệu trưởng (Nguyễn Thị Hợp): Quyết định số 293/QĐ-SGDĐT ngày 23/7/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Phó Hiệu trưởng (Đặng Thanh May): Quyết định số 294/QĐ-SGDĐT ngày 23/7/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

*** Cơ chế hoạt động**

Trường PTDTNT THCS và THPT Vĩnh Thạnh là đơn vị sự nghiệp công lập, là loại hình trường chuyên biệt trong hệ thống giáo dục quốc dân, mang tính chất phổ thông, dân tộc và nội trú. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục**

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

+ Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

+ Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

+ Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

+ Chăm sóc, nuôi dưỡng và quản lý học sinh dân tộc nội trú; đảm bảo các điều kiện để học sinh dân tộc nội trú được học tập, ăn, ở và sinh hoạt an toàn tại trường.

+ Tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù phù hợp với học sinh dân tộc nội trú.

+ Giáo dục học sinh về chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước; bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam; ý thức tham gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

+ Giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề truyền thống phù hợp với năng lực, phẩm chất của học sinh, điều kiện và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

+ Theo dõi, thống kê số lượng học sinh, đánh giá hiệu quả giáo dục hằng năm và theo từng giai đoạn để xây dựng các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của trường PTDTNT.

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Từ Kim Lân	Hiệu trưởng	0982.886820	lantk-ntvinhthanh@sgddt.gialai.gov.vn
2	Nguyễn Thị Hợp	Phó Hiệu trưởng	0383.730641	hopnt-ntvinhthanh@sgddt.gialai.gov.vn
3	Đặng Thanh May	Phó Hiệu trưởng	0979.178802	maydt-ntvinhthanh@sgddt.gialai.gov.vn

Địa chỉ nơi làm việc: thôn Định Nhất, xã Vĩnh Thạnh, tỉnh Gia Lai

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có):

Được công khai ở Bảng tin công khai nhà trường và trên chuyên mục trang website nhà trường <http://truongptdntnvinhthanh.edu.vn>, cụ thể:

- Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số 75/KH-DTNT THCS&THPT VT ngày 15/10/2020 của Hiệu trưởng trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh về Chiến lược phát triển trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Quyết định số 184/QĐ-DTNT THCS&THPT VT ngày 15/8/2023 của Hiệu trưởng trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 152/QĐ-DTNT THCS&THPT VT ngày 12/10/2024 của Hiệu trưởng trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

- Quy chế chi tiêu nội bộ: Quyết định 19/QĐ-DTNT THCS THPT VT ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng về Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ trường PTDTNT THCS và THPT Vĩnh Thạnh năm 2025.

- Quy chế làm việc của cơ sở giáo dục: Quyết định số 153/QĐ-DTNT THCS&THPT VT ngày 12/10/2024 của Hiệu trưởng trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh về việc ban hành Quy chế Quy chế làm việc của trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh.

- Quy chế văn hóa công sở: Quyết định số 155/QĐ-DTNT THCS&THPT VT ngày 12/10/2024 của Hiệu trưởng trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh về việc ban hành Quy chế văn hóa công sở tại trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm việc được giao/phê duyệt		Số lượng người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ Chuyên môn nghiệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ
I.	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý							
1	Hiệu trưởng	1	0	1	1	0	0	0
2	Phó Hiệu trưởng	2	0	2	2	0	0	0
II.	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành							
1	Giáo viên hạng I	4	0	0	0	0	0	0
2	Giáo viên hạng II	20	0	15	15	0	0	0

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người làm việc được giao/phê duyệt		Số lượng người làm việc hiện có				
		Được giao	Tự chủ	Tổng cộng	Viên chức từ nguồn được giao	Viên chức từ nguồn tự chủ	HĐLĐ Chuyên môn nghiệp vụ	HĐLĐ hỗ trợ, phục vụ
3	Giáo viên hạng III	10	0	17	17	0	0	0
4	Thiết bị, thí nghiệm	1	0	1	1	0	0	0
5	Giáo vụ	2	0	2	2	0	0	0
6	Tư vấn học sinh	0	0	0	0	0	0	0
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0
III. Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung								
1	Thư viện	1	0	1	1	0	0	0
2	Kế toán	1	0	1	1	0	0	0
3	Văn thư	1	0	1	1	0	0	0
4	Thủ quỹ	1	0	1	1	0	0	0
5	Y tế học đường	1	0	1	1	0	0	0
6	Quản trị công sở	0	0	0	0	0	0	0
IV. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ								
1	Bảo vệ	2	0	2	0	0	0	2
2	Phục vụ	1	0	1	0	0	0	1
3	Cấp dưỡng	5	0	5	0	0	0	5

2. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Thực hiện đánh giá theo các quy định: năm học 2024-2025

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý được đánh giá

- CBQL: Xếp loại Tốt: 3, Tỉ lệ: 100%.

- Giáo viên : Xếp loại Tốt: 27, Tỉ lệ: 93,1%; Khá: 02, Tỉ lệ: 6,9%.

3. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên theo quy định

- CBQL: Hoàn thành : 03, Tỉ lệ: 100%;
- Giáo viên: Hoàn thành : 30, Tỉ lệ: 100%;

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Điểm trường	Diện tích đất (m ²)	Diện tích bình quân (m ² /HS)	Đạt yêu cầu theo quy định
1	Điểm chính	27.642,3	54,5	Đạt

2. Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng hành chính quản trị; khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các cơ sở giáo dục có tổ chức nấu ăn); khối phụ trợ; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích	Đạt yêu cầu theo quy định
I	Khối phòng hành chính quản trị				
1	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	01	24m ² /p	Đạt
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	Phòng	02	24m ² /p	Đạt
3	Phòng làm việc của nhân viên	Phòng	03	24m ² /p	Đạt
4	Phòng bảo vệ, khác	Phòng	01	24m ² /p	Đạt
5	Khu vệ sinh giáo viên	Khu	02	40m ² /khu	Đạt
6	Nhà để xe giáo viên	Phòng	01	100m ²	Đạt
II	Khối phòng học tập				
1	Phòng học	Phòng	16	45m ² /phòng	Đạt
2	Phòng học bộ môn	Phòng	06	45m ² /phòng	Đạt
3	Phòng đa chức năng	Phòng	0	0	Đạt
III	Khối phòng hỗ trợ học tập				
1	Thư viện	Phòng	01	100m ²	Đạt
2	Phòng thiết bị giáo dục	Phòng	01	24m ²	Đạt
3	Phòng tư vấn học đường	Phòng	01	18m ²	Đạt
4	Phòng truyền thống	Phòng	01	45m ²	Đạt
5	Phòng Đoàn - Đội	Phòng	01	45m ²	Đạt
IV	Khối phụ trợ, sân chơi thể dục thể thao				

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích	Đạt yêu cầu theo quy định
1	Phòng họp	Phòng	01	40m ²	Đạt
2	Phòng y tế	Phòng	01	100m ²	Đạt
3	Hội trường	Phòng	01	100m ²	Đạt
4	Khu vệ sinh học sinh	Khu	02	100m ²	Đạt
5	Nhà để xe học sinh	Nhà	01	100m ²	Đạt
6	Sân chơi thể thao	Sân	01	10.000m ²	Đạt
IV	Khối phục vụ sinh hoạt				
1	Nhà bếp	Phòng	01	45 m ²	Đạt
2	Kho bếp	Phòng	01	15 m ²	Đạt
3	Nhà ăn	Phòng	02	160 m ²	Đạt
4	Phòng ở nội trú	Phòng	40	32 m ² /p	Đạt
V	Hạ tầng kỹ thuật				
1	Hệ thống cấp nước sạch		01		Đạt
2	Hệ thống điện		01		Đạt
3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy		01		Đạt
4	Hạ tầng công nghệ thông tin liên lạc	Đường truyền	02		Đạt
5	Khu thu gom rác thải		01		Đạt
VI	Thiết bị dạy học, sách giáo khoa..				
1	Thiết bị dạy học				
	- Lớp 6	Bộ	69		Đạt
	- Lớp 7	Bộ	105		Đạt
	- Lớp 8	Bộ	146		Đạt
	- Lớp 9	Bộ	484		Đạt
	- Lớp 10	Bộ	264		Đạt
	- Lớp 11	Bộ	460		Đạt
	- Lớp 12	Bộ	490		Đạt
2	Sách giáo khoa				
	- Lớp 6	Bộ	80		Đạt
	- Lớp 7	Bộ	80		Đạt
	- Lớp 8	Bộ	61		Đạt

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích	Đạt yêu cầu theo quy định
	- <i>Lớp 9</i>	Bộ	53		Đạt
3	Sách giáo viên				
	- <i>Lớp 6</i>	Bộ	05		Đạt
	- <i>Lớp 7</i>	Bộ	05		Đạt
	- <i>Lớp 8</i>	Bộ	05		Đạt
	- <i>Lớp 9</i>	Bộ	05		Đạt
	- <i>Lớp 10</i>	Bộ	05		Đạt
	- <i>Lớp 11</i>	Bộ	05		Đạt
	- <i>Lớp 12</i>	Bộ	05		Đạt
4	Sách tham khảo				
VII	Thực hiện liên kết để dạy chương trình giáo dục tích hợp				

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục: Đạt mức 3.

- Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá: Lãnh đạo nhà trường tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo quan tâm hơn nữa để mục tiêu trong năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo đạt kết quả cao hơn.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Chưa thực hiện.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả hoạt động giáo dục

Được công khai ở Bảng tin công khai nhà trường và trên các chuyên mục trang website nhà trường <http://truongptdntvinhthanh.edu.vn>, cụ thể:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan

*** Đối với lớp 6:**

- Đối tượng tuyển sinh:

+ Học sinh là người dân tộc thiểu số đã hoàn thành chương trình Tiểu học. Học sinh là người dân tộc thiểu số mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại: Xã, thị trấn khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền (sau đây gọi chung là xã, thôn đặc biệt khó khăn); Xã, thị trấn khu vực II và khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của cấp có thẩm quyền.

+ Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người được quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

+ Học sinh là người dân tộc Kinh mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn. Trường PTDTNT được tuyển không quá 10% học sinh là người dân tộc Kinh trong tổng số chỉ tiêu tuyển mới hằng năm.

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển (Phần mềm tuyển sinh đầu cấp: <https://binhdinh.tsdc.vn.edu.vn/>)

- Thời gian: Đăng ký trên hệ thống từ ngày 23/6/2025 đến hết ngày 05/7/2025.

- Chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 6 dân tộc nội trú Trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh năm học 2025-2026:

Tổng số học sinh lớp 6 tuyển mới: 63; trong đó:

+ Huyện Tây Sơn: 12 học sinh;

+ Huyện Vĩnh Thạnh: 51 học sinh.

*** Đối với lớp 10:**

- Đối tượng tuyển sinh: học sinh là dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp THCS của các trường trên địa bàn huyện Vĩnh Thạnh, chưa dự tuyển vào lớp 10 năm học 2025-2026 trường PTDTNT THPT Bình Định hoặc dự thi nhưng không trúng tuyển.

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển, hình thức tuyển sinh trực tuyến (Phần mềm tuyển sinh đầu cấp: <https://binhdinh.tsdc.vn.edu.vn/>)

- Thời gian: Đăng ký trên hệ thống từ ngày 20/6/2024 đến hết ngày 07/7/2024.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: Thực hiện Quyết định số 673/QĐ-SGDĐT ngày 14/4/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Định về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026, Trường PTDTNT THCS&THPT Vĩnh Thạnh tuyển sinh vào hệ công lập 106 học sinh, được biên chế thành các lớp với các môn học và tổ hợp như sau:.

+ Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Học sinh bắt buộc học 08 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc bao gồm: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ; Lịch sử; Giáo dục quốc phòng và an ninh; Giáo dục thể chất (chọn Bóng chuyền); Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục địa phương.

+ Các môn học lựa chọn và chuyên đề học tập lựa chọn:

Học sinh lựa chọn 04 môn học trong 09 môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lí, GDKT&PL, Tin học, Công nghệ, Nhạc và Mỹ thuật; 03 chuyên đề học tập bổ trợ trong số các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc và môn học lựa chọn. Cụ thể:

TT	Tổ hợp	Các môn học lựa chọn	Các chuyên đề học tập
1	Tổ hợp 1	Vật lý, GDKT&PL, Tin học và Công nghệ Sinh (Trồng trọt)	Ngữ văn, Lịch sử và Vật lý
2	Tổ hợp 2	Hóa học, Sinh học, Địa lí và Tin học	Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí

Mỗi học sinh đăng kí 2 nguyện vọng trong 02 tổ hợp trên.

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục:

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 số 06/DTNT THCS THPT VT ngày 27/8/2025 triển khai thực hiện trong năm học.

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình, xã hội:

Tổ chức các hoạt động phối hợp giữa Nhà trường, Gia đình và Cấp ủy, Chính quyền các địa phương trong công tác tuyên truyền vận động học sinh thực hiện nghiêm túc các quy định về ATGT, an ninh trật tự trên địa bàn; nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, chính trị tư tưởng; xây dựng động cơ, thái độ học tập đúng đắn cho học sinh; xây dựng hành vi ứng xử có văn hóa trong các mối quan hệ của học sinh; hình thành ý thức chấp hành pháp luật, ngăn chặn tình trạng học sinh vi phạm pháp luật về an toàn giao thông, an ninh trật tự, phòng chống dịch bệnh trên địa bàn.

+ Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh.

+ Quy chế phối hợp giữa nhà trường và Công an huyện Vĩnh Thạnh

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh:

- Xây dựng Kế hoạch tổ chức dạy học buổi 2 cho học sinh DTNT: Phụ đạo, bồi dưỡng học sinh giỏi, giáo dục kỹ năng sống, các hoạt động giáo dục đặc thù, lao động,...

- Cụ thể hóa việc thực hiện nguyên lý giáo dục “Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn với thực tiễn”.

- Thực hiện việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đánh giá học sinh theo chương trình GDPT 2018;

- Tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường theo hướng tiếp cận năng lực học sinh; giúp học sinh hình thành các ý tưởng về nghiên cứu khoa học, về vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

- Hình thành phẩm chất, nhân cách, kỹ năng sống cho học sinh; đồng thời, giúp học sinh hình thành lối sống tích cực, biết cách hoàn thiện bản thân, tổ chức cuộc sống và làm việc có kế hoạch, có trách nhiệm, có ý thức công dân... và tích cực tham gia các hoạt động xã hội.

- Phát triển các phẩm chất và năng lực của học sinh; năng lực sở trường, hứng thú cá nhân, từ đó góp phần định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với mỗi cá nhân.

- Tổ chức các hoạt động như nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ, ...

đ) Thực đơn hằng ngày (nếu có): công khai ở Bảng tin công khai nhà ăn và trên chuyên mục QUẢN LÝ HỌC SINH NỘI TRÚ trang website nhà trường <http://truongptdntvinhthanh.edu.vn>

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

*) Cấp THCS

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				Đối sánh với năm học trước
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
1	Kết quả tuyển sinh						
1.1	Bình quân số HS/lớp	26.13	20.5	31	29	24	
1.2	Số HS học 2 buổi/ngày	209	41	62	58	48	-3
1.3	Số học sinh nam	65	10	23	20	12	-6
1.4	Số HS nữ	144	31	39	38	36	+3
1.5	Số HS khuyết tật	0	0	0	0	0	0
1.6	Số HS DT thiểu số	209	41	62	58	48	-3
1.7	Số HS chuyển đi	1	1	0	0	0	0
1.8	Số HS chuyển đến	0	0	0	0	0	0
2	Kết quả đánh giá học sinh						

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				Đối sánh với năm học trước
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
2.1	Số HS lên lớp	204	41	59	56	48	0
2.2	Số HS ở lại lớp	5	0	3	2	0	-3

**) Cấp THPT*

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			Đối sánh với năm học trước
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
1	Kết quả tuyển sinh					
1.1	Bình quân số HS/lớp	35.6	52	34.3	26	
1.2	Số HS học 2 buổi/ngày	285	104	103	78	+24
1.3	Số học sinh nam	152	57	50	45	+9
1.4	Số HS nữ	133	47	53	33	+13
1.5	Số HS khuyết tật	0	0	0	0	0
1.6	Số HS DT thiểu số	285	104	103	78	+24
1.7	Số HS chuyển đi	0	0	0	0	-1
1.8	Số HS chuyển đến	0	0	0	0	0
2	Kết quả đánh giá học sinh					
2.1	Số HS lên lớp	267	91	98	78	+22
2.2	Số HS ở lại lớp	18	13	5	0	+2

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Kết quả học tập

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS NỮ		TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng toàn trường		494	277	56.07%	23	4.66%	244	49.39%	204	41.30%	23	4.66%
Tổng THCS		209	144	68.90%	8	3.83%	98	46.89%	93	44.50%	10	4.78%
Khối 6		41	31	75.61%	2	4.88%	24	58.54%	15	36.59%	0	0.00%
1	6A1	21	16	76.19%	1	4.76%	14	66.67%	6	28.57%	0	0.00%
2	6A2	20	15	75.00%	1	5.00%	10	50.00%	9	45.00%	0	0.00%
Khối 7		62	39	62.90%	0	0.00%	25	40.32%	29	46.77%	8	12.90%
3	7A1	32	19	59.38%	0	0.00%	14	43.75%	13	40.63%	5	15.63%
4	7A2	30	20	66.67%	0	0.00%	11	36.67%	16	53.33%	3	10.00%
Khối 8		58	38	65.52%	3	5.17%	27	46.55%	26	44.83%	2	3.45%
5	8A1	30	18	60.00%	1	3.33%	14	46.67%	13	43.33%	2	6.67%
6	8A2	28	20	71.43%	2	7.14%	13	46.43%	13	46.43%	0	0.00%

Khối 9		48	36	75.00%	3	6.25%	22	45.83%	23	47.92%	0	0.00%
7	9A1	23	18	78.26%	1	4.35%	10	43.48%	12	52.17%	0	0.00%
8	9A2	25	18	72.00%	2	8.00%	12	48.00%	11	44.00%	0	0.00%
Tổng THPT		285	133	46.67%	15	5.26%	146	51.23%	111	38.95%	13	4.56%
Khối 10		104	47	45.19%	2	1.92%	31	29.81%	58	55.77%	13	12.50%
9	10A1	54	25	46.30%	0	0.00%	21	38.89%	28	51.85%	5	9.26%
10	10A2	50	22	44.00%	2	4.00%	10	20.00%	30	60.00%	8	16.00%
Khối 11		103	53	51.46%	4	3.88%	55	53.40%	44	42.72%	0	0.00%
11	11A1	33	17	51.52%	1	3.03%	23	69.70%	9	27.27%	0	0.00%
12	11A2	31	19	61.29%	1	3.23%	17	54.84%	13	41.94%	0	0.00%
13	11A3	39	17	43.59%	2	5.13%	15	38.46%	22	56.41%	0	0.00%
Khối 12		78	33	42.31%	9	11.54%	60	76.92%	9	11.54%	0	0.00%
14	12A1	27	11	40.74%	3	11.11%	23	85.19%	1	3.70%	0	0.00%
15	12A2	24	11	45.83%	2	8.33%	21	87.50%	1	4.17%	0	0.00%
16	12A3	27	11	40.74%	4	14.81%	16	59.26%	7	25.93%	0	0.00%

- Kết quả rèn luyện

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS NỮ		TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng toàn trường		494	277	56.07%	330	66.80%	101	20.45%	34	6.88%	29	5.87%
Tổng THCS		209	144	68.90%	147	70.33%	45	21.53%	10	4.78%	7	3.35%
Khối 6		41	31	75.61%	39	95.12%	2	4.88%	0	0.00%	0	0.00%
1	6A1	21	16	76.19%	21	100.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
2	6A2	20	15	75.00%	18	90.00%	2	10.00%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 7		62	39	62.90%	35	56.45%	16	25.81%	8	12.90%	3	4.84%
3	7A1	32	19	59.38%	20	62.50%	6	18.75%	3	9.38%	3	9.38%
4	7A2	30	20	66.67%	15	50.00%	10	33.33%	5	16.67%	0	0.00%
Khối 8		58	38	65.52%	39	67.24%	13	22.41%	2	3.45%	4	6.90%
5	8A1	30	18	60.00%	18	60.00%	8	26.67%	0	0.00%	4	13.33%
6	8A2	28	20	71.43%	21	75.00%	5	17.86%	2	7.14%	0	0.00%
Khối 9		48	36	75.00%	34	70.83%	14	29.17%	0	0.00%	0	0.00%
7	9A1	23	18	78.26%	15	65.22%	8	34.78%	0	0.00%	0	0.00%
8	9A2	25	18	72.00%	19	76.00%	6	24.00%	0	0.00%	0	0.00%
Tổng THPT		285	133	46.67%	183	64.21%	56	19.65%	24	8.42%	22	7.72%
Khối 10		104	47	45.19%	47	45.19%	29	27.88%	13	12.50%	15	14.42%
9	10A1	54	25	46.30%	23	42.59%	17	31.48%	6	11.11%	8	14.81%
10	10A2	50	22	44.00%	24	48.00%	12	24.00%	7	14.00%	7	14.00%
Khối 11		103	53	51.46%	69	66.99%	16	15.53%	11	10.68%	7	6.80%
11	11A1	33	17	51.52%	25	75.76%	6	18.18%	2	6.06%	0	0.00%
12	11A2	31	19	61.29%	19	61.29%	5	16.13%	2	6.45%	5	16.13%
13	11A3	39	17	43.59%	25	64.10%	5	12.82%	7	17.95%	2	5.13%
Khối 12		78	33	42.31%	67	85.90%	11	14.10%	0	0.00%	0	0.00%
14	12A1	27	11	40.74%	26	96.30%	1	3.70%	0	0.00%	0	0.00%

STT	LỚP	SĨ SỐ	HS NỮ		TỐT		KHÁ		ĐẠT		CHƯA ĐẠT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
15	12A2	24	11	45.83%	22	91.67%	2	8.33%	0	0.00%	0	0.00%
16	12A3	27	11	40.74%	19	70.37%	8	29.63%	0	0.00%	0	0.00%

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Kết quả xét công nhận Tốt nghiệp Trung học cơ sở: Đạt 100%.
- Kết quả tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt 96,10% (tăng 3,91% so với năm 2024).
- Số lượng học sinh trúng tuyển: Đại học 03 HS, Cao đẳng 02 HS.
- Kết quả sau kiểm tra lại và rèn luyện trong kỳ nghỉ hè: Đạt 13/16 học sinh dự thi, trong đó 03 học sinh không đạt trong quá trình tham gia rèn luyện trong kỳ nghỉ hè (02 em không tham gia rèn luyện trong kỳ nghỉ hè, 01 em có tham gia rèn luyện trong kỳ nghỉ hè nhưng không đạt).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

TT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN TẠI 2026	NĂM TRƯỚC LIÊN KÊ 2025
A	CÁC KHOẢN THU		
1	Ngân sách nhà nước hỗ trợ	21.118.000.000	22.892.290.974
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Ngân sách nhà nước giao tự chủ tài chính	9.885.000.000	9.968.173.462
1.2	Ngân sách nhà nước giao không tự chủ tài chính	11.233.000.000	12.924.117.512
1.3	Ngân sách nhà nước hỗ trợ khác	0	0
2	Thu học phí		
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Học phí THCS	0	0
2.2	Học THPT	0	19.747.500
2.3	Học phí GDTX	0	0
2.4	Học phí khác (liên kết đào tạo...)	0	0
3	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học	0	0
B	CÁC KHOẢN CHI		

TT	NỘI DUNG	NĂM HIỆN TẠI 2026	NĂM TRƯỚC LIÊN KÊ 2025
B.1	Ngân sách nhà nước hỗ trợ	21.118.000.000	21.621.821.851
1	Chi lương và thu nhập cho CB, GV, NV và người lao động	9.102.233.000	8.979.157.000
2	Chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	782.767.000	989.016.462
3	Chi cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học	0	0
4	Chi khác	11.233.000.000	11.653.648.389
B.2	Chi học phí		19.747.500
1	Chi lương và thu nhập cho CB, GV, NV và người lao động	0	7.899.000
2	Chi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ	0	11.848.500
3	Chi cơ sở vật chất và mua sắm thiết bị dạy học	0	0
4	Chi thực hiện nghĩa vụ nhà nước (thuế TNDN)	0	0
5	Chi khác	0	0
B.3	Chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí đáp ứng nhu cầu người học		
1	Tiền dạy thêm, học thêm		
1.1	Chi trả tiền trực tiếp giảng dạy	0	0
1.2	Chi công tác quản lý	0	0
1.3	Chi sửa chữa CSVC, tiền điện, nước	0	0
1.4	Chi thực hiện nghĩa vụ nhà nước (thuế TNDN)	0	0
1.5	Chi khác	0	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới giáo dục và phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả đổi mới công tác quản lý giáo dục, quản trị nhà trường theo hướng tăng quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ trong nhà trường. Đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện tốt chính sách đối với người dạy, người học. Nâng cao chất lượng GDDT; bảo đảm công tác quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục HS DTNT; tiếp tục triển khai thực hiện nội dung giáo dục “*Dạy người - Dạy kiến thức*” tại nhà trường; tập trung triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với HS DTTS. Phát triển đội ngũ GV và cán bộ quản lý tương đối bảo đảm đủ số lượng và nâng cao về chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực đầu tư cho GDDT. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất, y tế trường

học. Đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính trong toàn trường. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ nhằm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục. Thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua trong toàn trường; tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm 40 năm thành lập Trường PTDTNT THCS và THPT Vĩnh Thạnh và các hoạt động kỷ niệm 80 năm truyền thống ngành Giáo dục.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2025 của Trường PTDTNT THCS và THPT Vĩnh Thạnh./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT;
- Chi bộ;
- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng;
- Tổ trưởng;
- Ban đại diện CMHS;
- Công khai webstie nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Từ Kim Lân